

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

NGUYỄN VĂN NAM *

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX của Đảng khẳng định: khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế (1).

Những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực nhằm ban hành và sửa đổi kịp thời những chủ trương, chính sách, tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là các doanh nghiệp, đã có cố gắng vươn lên chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế, tạo được một số mặt hàng có năng lực cạnh tranh khá. Vừa qua nước ta được thế giới đánh giá cao về: các lợi thế cạnh tranh như: sự ổn định chính trị; an ninh và trật tự, an toàn xã hội; vị trí địa lý có nhiều thuận lợi do nằm trong khu vực kinh tế năng động,

có tốc độ tăng trưởng cao; có tài nguyên thiên nhiên đa dạng. Những lợi thế đó cần được tiếp tục duy trì và phát huy.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, năng lực cạnh tranh trên cả ba cấp độ: nền kinh tế, doanh nghiệp, hàng hóa và dịch vụ vẫn còn yếu; chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có và tranh thủ sự hợp tác nhiều mặt với quốc tế. Việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ là một vấn đề rất bức xúc, vì nhiều doanh nghiệp vẫn chưa ý thức được tính chất khốc liệt của cạnh tranh quốc tế, chưa có các bước chuẩn bị kỹ lưỡng cho quá trình hội nhập sắp tới. Thêm vào đó bối cảnh chung của quốc tế lại đang có nhiều biến động khó lường. Vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ Việt Nam lại đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ năng lực cạnh tranh quốc gia thấp. Cụ thể là:

1. Hệ thống pháp luật của nước ta vẫn còn thiếu nhiều quy định quan trọng. Nhiều nội dung của một số luật hiện hành chưa phù hợp với các nguyên tắc của WTO và chậm được điều chỉnh, bổ sung.

Luật pháp chưa chặt chẽ, còn chồng chéo, có thể vận dụng khác nhau do được thiết kế để phục vụ quá nhiều mục tiêu. Chẳng hạn, có nhiều mức thuế, nhiều quy định ưu đãi, miễn giảm, nhiều mức áp giá để tính thuế v.v... làm cho việc thực hiện luật trở nên phức tạp, dễ vận dụng tùy tiện, ưu đãi doanh nghiệp này gây khó khăn cho doanh nghiệp khác, tình

* PGS, TS, Viện Nghiên cứu Thương mại

(1) Xem: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 120

trạng quan liêu trong bộ máy hành chính chậm được khắc phục.

Các thông tư hướng dẫn của các bộ (như quyết định về thuế suất thuế nhập khẩu đối với phụ tùng xe máy, phụ tùng xe ô-tô) có những thay đổi đột ngột làm cho môi trường kinh doanh của nước ta trở nên khó dự đoán, thiếu tính ổn định, gây tâm lý lo lắng cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, giảm năng lực cạnh tranh quốc gia trong thu hút vốn đầu tư.

Tính minh bạch, công khai của nền kinh tế, bao gồm cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước còn thấp. Chính quyền địa phương ở một số nơi còn can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không phù hợp với cơ chế thị trường. Hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế đang rất nặng nề, cơ quan bảo vệ pháp luật hành động quá quy định của pháp luật, thiên vị trong xử lý tranh chấp còn tiếp diễn ở một số nơi. Cơ quan xét xử, hòa giải, trọng tài còn có những quyết định thiếu khách quan.

Đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng tuy đã đạt được một số kết quả, song vẫn còn khá nghiêm trọng, nhất là ở những khâu liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp, chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Chi phí kinh doanh cao hơn một số nước khác trong khu vực.

2. Mặc dầu đã có nhiều nỗ lực cải cách và có những tiến bộ trên nhiều mặt, nhưng hệ thống tài chính - tiền tệ ở Việt Nam còn kém phát triển, thiếu sự đa dạng, khả năng tài chính nhỏ bé, không đáp ứng yêu cầu phát triển. Các chỉ tiêu về độ sâu tài chính, dư nợ tín dụng trên GDP, các chỉ số chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại theo Quy định Basel còn thấp xa so với các nước trong khu vực. Năng lực đánh giá dự án đầu tư, trình độ công nghệ của các nghiệp vụ ngân hàng còn nhiều hạn chế, lạc hậu.

Việc Chính phủ tiếp tục khoan nợ, dãn nợ, xóa nợ đối với một số doanh nghiệp nhà nước chưa phải là giải pháp đầy đủ để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và ngân

hàng thương mại. Kinh nghiệm kinh doanh tài chính quốc tế còn ít. Đồng tiền Việt Nam chưa có giá trị chuyển đổi ngay cả đối với các giao dịch vãng lai làm hạn chế tốc độ kinh doanh xuất - nhập khẩu.

Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, người có ý tưởng kinh doanh mới khó tiếp cận với tín dụng. Gần đây, việc phát triển quá nhiều quỹ hỗ trợ đầu tư khác nhau dưới sự quản lý của Bộ Tài chính tạo ra mặt bằng tín dụng không đồng đều cho các doanh nghiệp và có nguy cơ tạo ra một thị trường tiền tệ khép kín, ngoài sự kiểm soát thống nhất của Ngân hàng nhà nước.

Thị trường chứng khoán còn quá nhỏ bé, chậm phát triển, chưa bao gồm những doanh nghiệp quan trọng và hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Hệ thống quỹ đầu tư mạo hiểm (venture capital) chưa phát triển.

3. Một lợi thế cạnh tranh rõ rệt của Việt Nam là lực lượng lao động trẻ, đông đảo, được giáo dục phổ thông tương đối cao so với những nước có mức GDP bình quân đầu người tương đương; người lao động được đánh giá là thông minh, khéo tay, cần cù, chịu khó và giá nhân công còn ở mức tương đối thấp so với khu vực. Song, lợi thế đó mới được phát huy ở mức rất hạn chế và đang có nguy cơ bị giảm sút do tỷ lệ lao động được đào tạo nghề ở Việt Nam còn quá thấp (dưới 18%), nhất là lao động từ nông thôn, không đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, lao động có trình độ cao (về kỹ thuật, công nghệ, quản lý) còn quá ít so với nhu cầu tăng lên nhanh chóng của nền kinh tế. Sức khỏe người lao động chưa đáp ứng yêu cầu lao động công nghiệp, chất lượng giáo dục phổ thông thấp, trình độ đào tạo về ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hán v.v...) thấp xa so với các nước khác trong khu vực.

Người lao động chưa được đào tạo và chuẩn bị tốt về tác phong, kỷ luật lao động công nghiệp, về tinh thần, thái độ, ý thức lao động trong tập thể. Các yếu tố đó dẫn đến việc người sử dụng lao động phải tăng thêm chi phí đào tạo.

Các cơ sở đào tạo, từ đào tạo nghề đến đào tạo đại học và sau đại học, còn nhiều yếu kém, lạc hậu về nhiều mặt, chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Thị trường lao động chưa phát triển. Các quy chế về bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, về các trách nhiệm xã hội chưa đầy đủ và chưa được thực hiện tốt. Số vụ đình công, phản đối có tính tập thể và xung đột giữa người lao động với người sử dụng lao động đang có chiều hướng tăng... có thể trở thành một cản trở trong quá trình phát huy lợi thế cạnh tranh về lao động ở trong nước cũng như xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

Hiện tượng khan hiếm lao động có đào tạo ở các trung tâm công nghiệp, các khu công nghiệp diễn ra khá phổ biến. Hiện tượng cạnh tranh lao động có chất lượng giữa các doanh nghiệp, lao động có đào tạo bỏ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác mà chi phí đào tạo không được hoàn trả vừa làm tăng thêm chi phí sử dụng lao động, vừa không tạo động lực để các doanh nghiệp đầu tư cho đào tạo tay nghề.

Mức khởi điểm để tính thuế thu nhập cá nhân đối với lao động Việt Nam quá thấp, tốc độ thuế suất lũy tiến lại cao, trong mức thuế thu trên tổng thu nhập không được khấu trừ những khoản chi phí tối thiểu cho sinh hoạt theo thông lệ quốc tế, làm cho tổng chi phí tiền lương cá nhân của chuyên gia Việt Nam trở nên quá cao, trở thành một yếu tố thiếu hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài khi sử dụng lao động tay nghề cao của Việt Nam. Mặt khác, lao động rẻ là một yếu tố cạnh tranh luôn luôn ở trạng thái động, khi đời sống được nâng lên, thì giá nhân công cũng tăng lên, và do đó lợi thế này đang trong xu hướng mất dần theo chiều phát triển của nền kinh tế.

4. Trình độ khoa học, công nghệ của nước ta còn ở mức thấp và chậm tiến bộ. Công nghệ trong các doanh nghiệp đang bị lạc hậu nhiều thế hệ so với khu vực. Việc chuyển giao công nghệ từ đầu tư nước ngoài, từ các công ty đa quốc gia và các nguồn khác chưa có sự tiến bộ rõ rệt. Đặc biệt, trình độ công nghệ thông tin

còn rất thấp và sự phát triển gặp nhiều rào cản do độc quyền và các quy định hành chính gò bó. Xuất hiện sự phân hóa sâu sắc về tiếp cận thông tin giữa các vùng, miền và các tầng lớp dân cư.

Tiềm lực khoa học, công nghệ vốn còn ít ỏi, lại chưa được sử dụng tốt do cơ chế quản lý chậm được đổi mới, mối liên kết giữa khoa học, công nghệ (nghiên cứu) - trường đại học (giảng dạy) - doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ, phần nhiều do các trở ngại về hành chính và cơ chế tài chính.

Các viện nghiên cứu chưa thực sự tự chủ trong nghiên cứu, huy động vốn, tham gia đấu thầu trong nước và quốc tế do thiếu tư cách pháp nhân đầy đủ. Sự quan tâm và đầu tư từ khu vực doanh nghiệp cho khoa học, công nghệ còn thấp do nhiều lý do, trong đó có lý do bắt nguồn từ cơ chế độc quyền, tình trạng cục bộ ngành và địa phương, chưa thực sự trọng dụng người có tài, chưa chấp nhận cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động khoa học, công nghệ.

Mặc dầu khoa học, công nghệ được coi là "quốc sách hàng đầu" và sự thực đất nước đang có tiềm năng không nhỏ, song trong thực tế, vai trò của khoa học, công nghệ chưa tương xứng, tư vấn khoa học, công nghệ chưa được coi trọng đúng mức. Không ít quyết định đầu tư và quyết sách quan trọng thiếu căn cứ khoa học vững chắc, nhất là trong việc thẩm định các dự án, tư vấn cho hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển.

5. Những năm gần đây kết cấu hạ tầng đã được đầu tư và có cải thiện đáng kể, nhưng cản trở từ kết cấu hạ tầng đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là tình trạng độc quyền, áp đặt giá quá cao với chất lượng dịch vụ thấp, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng phương tiện rất thấp. Chi phí về kết cấu hạ tầng ở nước ta quá cao so với các nước trong khu vực. Chẳng hạn, giá bán điện đang cao hơn của các nước trong khối ASEAN. Đã vậy, theo tính toán, ở Việt Nam chi phí điện năng cho sản xuất (chi phí đầu vào) tăng thêm

8 - 12% so với giá công bố do yếu tố chất lượng cung cấp điện thấp.

Doanh nghiệp công nghệ cao chưa dám đầu tư vào nước ta trong đó có lý do về kết cấu hạ tầng. Chi phí cao và chất lượng thấp của các loại dịch vụ thuộc kết cấu hạ tầng là một trở ngại lớn trong các nỗ lực giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp.

6. Trong xuất khẩu, nhiều hạn chế đã được dỡ bỏ, cũng không còn thuế xuất khẩu, song, vẫn còn những hạn chế về định lượng nhập khẩu, mức thuế nhập khẩu cao để bảo hộ một số sản phẩm. Đầu tư nước ngoài vào một số lĩnh vực do các tổng công ty nhà nước nắm giữ còn chịu nhiều cản trở.

Các dịch vụ tài chính phục vụ xuất, nhập khẩu và đầu tư nước ngoài như tín dụng, bảo lãnh tín dụng xuất, nhập khẩu, v.v... còn chậm phát triển. Các dịch vụ về thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiếp thị, triển lãm, hội chợ, khuyến mại, nghiên cứu thị trường, tiếp cận khách hàng, tư vấn luật pháp và kinh doanh còn kém phát triển.

7. Việc thực hiện Luật Doanh nghiệp, bãi bỏ và thay thế khoảng 160 giấy phép kinh doanh đã cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh ở tầm vĩ mô cho doanh nghiệp. Tuy vậy, năng lực quản lý doanh nghiệp nói chung còn thấp. Nhiều doanh nghiệp chưa đăng ký thương hiệu, xây dựng chiến lược kinh doanh, nghiên cứu thị trường, do đó chưa biết rõ khách hàng và đánh giá đúng đối thủ cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Doanh nghiệp cũng chưa có hiểu biết đầy đủ về pháp luật, về thị trường công nghệ. Nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược về nhân sự, chưa quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động. Chất lượng quản lý doanh nghiệp còn thấp, không ít doanh nghiệp chưa xây dựng nội quy, cũng như thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quyền dân chủ của cổ đông, chưa tôn trọng vai trò của hội đồng quản trị v.v.. Các mặt yếu kém này là nguồn gốc tiềm tàng dẫn đến tranh chấp, thậm chí có thể làm cho doanh nghiệp mất ổn định nghiêm trọng.

Trước thực tế đó, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cần tập trung vào mấy hướng chính, như sau :

Thứ nhất, cần tuyên truyền rộng rãi về những thách thức của nền kinh tế đòi hỏi phải sớm cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Tạo bước đột phá mới về tư duy kinh tế, đẩy nhanh tiến độ thiết lập thị trường các yếu tố sản xuất đầy đủ và đồng bộ, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhất quán quan điểm về định hướng xuất khẩu của nền kinh tế, không duy trì bảo hộ lâu dài để thay thế nhập khẩu bằng mọi giá để bảo đảm phát triển bền vững. Độc lập tự chủ của nền kinh tế phải được thể hiện rõ trong việc lựa chọn hướng đầu tư, đối tác đầu tư, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chí hàng đầu để xét duyệt các dự án đầu tư và vay vốn nước ngoài. Quyết không để tình trạng đầu tư kiểu phong trào, phân tán, dàn trải, phá vỡ quy hoạch tổng thể dẫn đến hậu quả xấu cho những năm sau. Khắc phục tình trạng xin - cho trong cấp phát vốn đầu tư ngân sách. Sớm chuyển cơ chế cấp phát vốn cho các doanh nghiệp nhà nước sang cơ chế tín dụng đầu tư, có tiêu chí khoa học, rõ ràng và thống nhất cả nước về đánh giá hiệu quả đầu tư ngay từ giai đoạn tiền khả thi của các dự án. Đồng vốn của nhà nước phải có chủ cụ thể, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả, các định chế ràng buộc về quyền hạn và trách nhiệm phải cụ thể và rõ ràng.

Thứ hai, giảm chi phí đầu vào. Các bước giảm cước, phí và lệ phí vừa qua của các ngành độc quyền nhà nước chủ yếu vẫn nặng về lợi ích cục bộ của từng ngành mà chưa xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của việc tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Giảm các chi phí khác có tính chất vô hình, như tốn kém thời gian làm các thủ tục hành chính phiền hà để thực hiện sản phẩm. Những loại chi phí gián tiếp này khó xuất đầu lộ diện, nhưng gây tác hại vô cùng lớn, làm cho doanh nhân dễ bị mất thời cơ kinh doanh, tốn kém, nhất là tình trạng không minh bạch, rõ ràng, dẫn đến cạnh tranh

không lành mạnh, người làm ăn giỏi có sản phẩm tốt chưa được tôn vinh thỏa đáng.

Một yếu tố rất quan trọng liên quan đến giảm chi phí đầu vào đó là vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Trong đó khâu còn nhiều vấn đề nhất hiện nay là tuân thủ quy hoạch. Có ý kiến cho rằng, quy hoạch không sai, nhưng nhiều dự án lớn làm sai, chạy theo lợi ích cục bộ, địa phương trên cơ sở xin - cho, chủ quan duy ý chí... làm phá vỡ quy hoạch chung, gây lãng phí, sản xuất thừa. Nếu sử dụng vốn đầu tư không hiệu quả sẽ để lại một gánh nặng nợ nần rất nguy hiểm cho vài ba chục năm sau.

Thứ ba, khẩn trương thực hiện kế hoạch điều chỉnh, bổ sung luật pháp hiện hành để phù hợp với các cam kết quốc tế. Sớm tiến tới hình thành khung pháp lý thống nhất đối với các loại hình doanh nghiệp có hình thức tổ chức, sở hữu khác nhau thuộc các thành phần kinh tế. Sớm có các văn bản dưới luật về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền, quy định rõ về các lĩnh vực và tổ chức được độc quyền tự nhiên.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục rà soát các giấy phép kinh doanh hiện hành và điều kiện kinh doanh đối với những ngành có điều kiện, nhất là trên những ngành, lĩnh vực cho đến nay chưa được rà soát. Đơn giản hóa các thủ tục hoàn thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, hộ khẩu, công chứng phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng quy chế công bố thông tin của các cơ quan nhà nước về quy hoạch, về chính sách có liên quan, quy chế trả lời ý kiến công dân và doanh nghiệp. Thể chế hóa việc tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương; quy định trách nhiệm thực hiện các cam kết và thời hạn giải quyết. Khẩn trương thực hiện chương trình sử dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý nhà nước, từng bước xây dựng "chính phủ điện tử".

Sớm ban hành luật về đấu thầu để việc chỉ tiêu tiên công được đưa vào tay những chủ thể

thực sự làm tốt và có hiệu quả cao. Trong luật đó phải bảo đảm chặt chẽ để tránh tình trạng móc ngoặc, "đi đêm", "quân xanh, quân đỏ"... Tình trạng móc ngoặc trong đấu thầu không minh bạch đã làm cho tiền và tài sản nhà nước thất thoát, lãng phí còn công trình và sản phẩm thì chất lượng thấp, đang trở thành hiện tượng rất phổ biến hiện nay trong xây dựng cơ bản.

Điều chỉnh cơ chế chi tiêu ngân sách nhà nước, tăng tỷ lệ chi cho hạ tầng kinh tế - xã hội trên cơ sở giảm các khoản chi không thuộc chi phát triển như xây dựng trụ sở. Xóa bỏ các hình thức bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước, chuyển sang trợ cấp gián tiếp theo các hình thức phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tiêu chuẩn quy định chung để tiến tới hội nhập sâu hơn về kinh tế. Mở rộng yêu cầu công khai ngân sách đối với các cấp.

Thứ tư, tăng cường thâm nhập thị trường quốc tế, thực hiện chính sách khuyến khích xuất khẩu phù hợp với yêu cầu WTO. Phát triển thương mại điện tử. Tìm kiếm các hình thức mới hỗ trợ xúc tiến thương mại, đổi mới cơ chế sử dụng Quỹ xúc tiến thương mại. Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại cho một số sản phẩm có năng lực cạnh tranh trong tương lai. Nghiên cứu thành lập trung tâm xúc tiến thương mại tại một số thị trường trọng điểm. Hợp tác với công ty thương mại nước ngoài, ngân hàng nước ngoài để tổ chức hoạt động xúc tiến trên thị trường quốc tế. Tổ chức nghiên cứu thị trường, xây dựng hệ thống thông tin dự báo thị trường. Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thương mại và ngoại giao ở nước ngoài về thu thập và phân tích thông tin.

Đào tạo năng lực đàm phán cho đội ngũ chuyên trách về đàm phán thuộc Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế. Ký kết các hiệp định hỗ trợ thương mại như hiệp định về

(Xem tiếp trang 47)

Năm 2005, thành phố sẽ khởi công hàng loạt công trình lớn đánh dấu sự phát triển mới cả về lượng và chất. Đó là dự án đại lộ đông - tây và đường hầm qua Thủ Thiêm nối liền 8 quận, huyện của thành phố. Dự án khởi công vào tháng 1-2005 và hoàn thành cuối năm 2007. Dự án cầu Thủ Thiêm qua sông Sài Gòn kết nối trung tâm thành phố với khu đô thị mới Thủ Thiêm và dự án cầu Phú Mỹ - cầu dây văng hiện đại của thành phố cũng sẽ được khởi công trong năm 2005. Công trình cầu Tân Thuận 2 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2005. Cũng trong năm nay, thành phố sẽ khởi công một số hạng mục trong dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm; nâng cấp, mở rộng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Văn Trỗi; khẩn trương chuẩn bị dự án xây dựng hai tuyến tàu điện ngầm ở thành phố.

Tiềm năng phát triển của thành phố Hồ Chí Minh còn rất lớn, bởi nó hội tụ cả "thiên thời", "địa lợi" và "nhân hòa". Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố bằng những việc làm cụ thể, thiết thực đang thể hiện rõ quyết tâm đổi mới theo đường lối của Đảng đề ra như: xây dựng các mô hình quản lý phù hợp; có sự định hướng cho từng giai đoạn, với sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành tập trung, trọng tâm, trọng điểm tìm cách khơi nguồn tiềm năng, tạo nên các nguồn lực mạnh mẽ, để thúc đẩy kinh tế thành phố phát triển nhanh, mạnh, xứng đáng là thành phố năng động và sáng tạo trong quá trình, phát triển.

Bước vào năm mới Ất Dậu 2005, với những nhiệm vụ mới và nỗ lực mới Đảng bộ, chính quyền, nhân dân thành phố nhất định sẽ tiếp tục giành được nhiều thành tựu to lớn, xứng đáng với vinh dự thành phố được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

NÂNG CAO NĂNG LỰC...

(Tiếp theo trang 43)

vận tải, thanh toán, công nhận kết quả kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch, tiêu chuẩn và chất lượng hàng hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết những vấn đề mới trong hội nhập như tranh chấp thương mại, đáp ứng yêu cầu chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn lao động.

Thực hiện các cam kết về giảm thuế, xóa bỏ hàng rào phi thuế. Thay thế chế độ giá tính thuế tối thiểu bằng giá ghi trên hợp đồng phù hợp với Hiệp định về trị giá hải quan của WTO. Cải cách thủ tục hải quan theo hướng đơn giản hóa và hài hòa thủ tục với chuẩn mực quốc tế. Ban hành các biện pháp phòng vệ và tự vệ phù hợp với quy định của WTO.

Thứ năm, tăng cường năng lực công nghệ của doanh nghiệp, trợ giúp doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, tiến tới cạnh tranh bằng sản phẩm có hàm lượng tri thức cao và có tính độc đáo. Đơn giản hóa thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng khung pháp lý cho thị trường khoa học công nghệ, mở rộng phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với quy định của WTO và các điều ước quốc tế đã ký kết.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề trong việc tuyển sinh, lựa chọn chương trình bổ sung cho chương trình bắt buộc. Khuyến khích hợp tác, trao đổi, liên doanh với tổ chức nước ngoài. Tiếp tục thực hiện chương trình cử người ra nước ngoài học tập và mời chuyên gia nước ngoài vào đào tạo cho giảng viên trong nước.

Sớm thống nhất quy định về tiền lương tối thiểu cho các khu vực kinh tế và cho toàn quốc. Xóa bỏ chế độ duyệt thang bảng lương. Sửa đổi chế độ lao động và tiền lương phù hợp với quy định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). □